



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 42

0448
CÔNG
NH
M T
VIỆT
HOC
01
Ô
Ô
NI
JN
7F

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí và công ty con (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí (Công ty Mẹ) và các công ty con là Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình Hưng Trí và Công ty TNHH Năng lượng xanh Hưng Trí.

Công ty Mẹ

Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí ("Công ty Mẹ") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hưng Trí, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301055926 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 26 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty Mẹ tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 lần lượt là 105.756.720.000 VND và 103.683.060.000 VND, tương đương với 10.575.672 và 10.368.306 cổ phần; với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty Mẹ là:

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ máy móc, vật tư, thiết bị các công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, thiết bị môi trường, cơ khí thuộc ngành công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.

Trụ sở chính của Công ty Mẹ được đặt tại 51 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty Mẹ có các công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình Hưng Trí	51 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	85%	85%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Năng lượng xanh Hưng Trí	51 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lắp đặt hệ thống xây dựng	90%	90%

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đặng Anh Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lâm Thái Bảo	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Phan Thanh Huân	Thành viên
Ông Fuco Rudyanto Chandra	Thành viên
Bà Võ Thị Thanh Trà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Lâm Thái Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Bà Võ Thị Thanh Trà	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Ông Phan Thanh Huân	Phó Tổng Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Trần Tiến	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Phan Văn Dũng	Trưởng ban
Ông Phan Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Lâm Thái Bảo	Việt Nam	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Công bố báo cáo tài chính hợp nhất

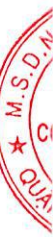
Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



LÂM THÁI BẢO
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025





Số: 412/2025/BCKTHN-HCM.00564

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí và công ty con (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 05 tháng 04 năm 2024.



Handwritten signature in blue ink.

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1

LÊ HUỖNH BẢO
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2021-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		437.712.696.398	370.443.469.386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	55.890.249.568	42.623.116.563
1. Tiền	111		55.890.249.568	42.623.116.563
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		165.103.506	156.900.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	165.103.506	156.900.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.499.730.724	115.366.242.380
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	162.056.957.577	127.190.738.668
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	15.947.924.011	22.556.207.028
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	9.398.418.437	8.711.950.484
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(39.903.569.301)	(43.092.653.800)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		232.173.314.527	210.785.807.199
1. Hàng tồn kho	141	5.7	232.173.314.527	210.785.807.199
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.984.298.073	1.511.403.244
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.050.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.983.248.073	1.511.403.244
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.061.788.202	46.421.927.889
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.765.053.493	16.424.447.008
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	4.723.262.239	13.906.295.815
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.856.970.000	2.518.151.193
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(2.815.178.746)	-
II. Tài sản cố định	220		2.368.211.523	3.057.148.228
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.368.211.523	3.057.148.228
- Nguyên giá	222		10.970.817.918	10.970.817.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.602.606.395)	(7.913.669.690)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		1.407.700.002	1.407.700.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.407.700.002)	(1.407.700.002)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	12.859.172.931	12.859.172.931
- Nguyên giá	231		12.859.172.931	12.859.172.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.630.050.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	4.630.050.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	11.141.586.620	13.682.031.993
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.245.582.089	1.232.031.993
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.450.000.000	12.450.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.553.995.469)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		297.713.635	399.127.729
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	297.713.635	399.127.729
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		472.774.484.600	416.865.397.275

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		305.275.271.332	256.242.607.840
I. Nợ ngắn hạn	310		299.495.284.132	255.692.607.840
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	52.194.626.865	43.807.474.021
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	123.024.807.633	137.540.711.537
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	9.083.153.390	6.316.748.073
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	5.925.072.084	6.235.968.749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	11.683.817.766	4.301.542.260
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	88.737.411.021	47.747.839.081
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	3.922.757.118	4.796.609.759
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.20	4.923.638.255	4.945.714.360
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.779.987.200	550.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	5.779.987.200	550.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		167.499.213.268	160.622.789.435
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	167.499.213.268	160.622.789.435
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.756.720.000	103.683.060.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.756.720.000	103.683.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.806.058.000	8.806.058.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.509.375.219	2.509.375.219
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.992.727.139	2.042.063.564
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.075.899.310	37.115.167.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		16.801.943.516	16.210.853.804
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.273.955.794	20.904.313.812
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.358.433.600	6.467.065.036
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		472.774.484.600	416.865.397.275



PHAN THỊ MINH LAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



LÂM THÁI BẢO
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		738.554.639.327	556.808.039.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	738.554.639.327	556.808.039.147
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	646.386.714.943	481.728.931.837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		92.167.924.384	75.079.107.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.363.661.033	660.983.064
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8.080.733.497	4.474.923.585
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.809.601.734	3.976.268.637
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		13.550.096	(115.785.523)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	13.036.641.833	9.798.308.047
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	38.505.098.200	36.229.409.976
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22 + 24) - (25 + 26)}	30		33.922.661.983	25.121.663.243
12. Thu nhập khác	31		1.318.262.216	2.277.882.506
13. Chi phí khác	32		784.808.255	760.618
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		533.453.961	2.277.121.888
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.456.115.944	27.398.785.131
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	8.519.779.272	5.682.879.411
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		25.936.336.672	21.715.905.720
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty Mẹ	61		25.273.955.794	20.904.313.812
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		662.380.878	811.591.908
19. Lãi cơ bản cổ phiếu	70	6.8	2.435	1.817



PHAN THỊ MINH LAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



LÂM THÁI BẢO
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.456.115.944	27.398.785.131
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	688.936.705	737.250.510
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	1.306.237.075	959.901.865
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(402.016.948)	(21.186.324)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(449.877.440)	(291.042.329)
- Chi phí lãi vay	06	4.809.601.734	3.976.268.637
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.408.997.070	32.759.977.490
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(23.848.356.617)	84.060.947.866
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(21.387.507.328)	(38.192.878.486)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.274.952.596	5.212.681.830
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	100.364.094	(85.184.921)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.016.992.307)	(3.735.531.201)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.692.045.611)	(8.399.198.444)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	437.772.650	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.200.039.275)	(2.273.460.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.922.854.728)	69.347.353.680
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(2.587.513.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.203.506)	(156.900.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	82.600.056	406.827.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	74.396.550	(837.585.148)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	295.446.096.251	94.111.955.305
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(249.226.537.111)	(151.531.949.001)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.418.481.050)	(20.389.579.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27.801.078.090	(77.809.573.382)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	12.952.619.912	(9.299.804.850)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	42.623.116.563	51.927.964.694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	314.513.093	(5.043.281)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	55.890.249.568	42.623.116.563



PHAN THỊ MINH LAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



LÂM THÁI BẢO
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025